

Bản án số: 535/2024/DS-PT

Ngày: 16 - 7 - 2024

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1344/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Sử Văn H, sinh năm 1962 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sử Văn H: Bà Sử Thị Diễm M, sinh năm 1994 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Sử Văn V, sinh năm 1979 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2/Bà Lê Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3/Ông Sử Văn M1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4/Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

5/Ủy ban nhân dân xã N, huyện H (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Sử Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn S trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp của mẹ ruột là bà Trần Thị X chuyển nhượng cho ông năm vào năm 1999, giá chuyển nhượng 12 chỉ vàng 24k, khi chuyển nhượng có làm giấy tay. Sau khi chuyển nhượng mẹ ông ở trên đất thêm 01 năm thì chết, sau đó ông cho ông Sử Văn H1 mượn ở đến năm 2003 thì H1 đi thành phố Hồ Chí Minh bỏ đất trống đến nay. Ngày 27/02/2001, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.025m² thửa số 0634, lúc giao vàng có anh em chứng kiến gồm anh Sử Văn L, em Sử Văn H1 biết rõ, lúc đó Sử Văn V đang sinh sống bên vợ ở Kiên Giang, trong phần đất ông nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị X, ông có cho anh ruột là Sử Văn M1 diện tích 312m² để cất nhà ở, còn diện tích 713m², ông V lấy đất của ông cho cháu là Sử Văn B cất nhà ở, khi chuẩn bị cất nhà thì ông phát hiện. Nay yêu cầu V trả diện tích đất đo đạc thực tế gồm 02 thửa: Thửa 01 diện tích 68,9m², thửa 02 diện tích 243,2m². Ông xin rút khỏi kiện đối với diện tích 400,9m².

Bị đơn ông Sử Văn V trình bày:

Nguồn gốc đất của mẹ ông là bà Trần Thị X (chết 25/12/1999 âm lịch), ông sống chung với bà X từ nhỏ đến nay nên được hưởng phần đất này, trước đây trên phần đất có căn nhà của X và ông, khoảng năm 2001-2002 cho ông cho Sử Văn H1 ở nhờ, sau đó căn nhà bị sập thì để đất trống đến nay. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ông Sử Văn H đối với diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sử Văn M1 trình bày:

Trước đây khi mẹ ông là bà Trần Thị X còn sống thì có chuyển nhượng cho ông phần đất giáp ranh với phần đất hiện ông H và ông V tranh chấp, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 0965, tờ bản đồ số 07, diện tích 312m². Phần đất ông H tranh chấp với ông V là của mẹ ông, khi chưa có gia đình thì ông V sống chung với mẹ là bà X, sau đó ông V có vợ về Kiên Giang sinh sống, lúc này Sử Văn H1 về ở chung với mẹ trên đất này, còn ông H từ trước đến nay chưa sử dụng đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã N, huyện H trình bày:

Theo kết luận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định một phần đất tranh chấp giữa ông Sử Văn H và ông Sử Văn V có diện tích 20,5m² thuộc thửa D1 và diện tích 48,4m² thuộc thửa T2 do Ủy ban nhân dân xã N quản lý chưa có tên trong sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Phần đất này từ trước đến nay do các đương sự quản lý, sử dụng, thực tế Nhà nước chưa thu hồi diện tích đất này, nếu sau này nhà nước có thu hồi thì thực hiện theo quy định pháp luật. Nay người dân sử dụng thì tiếp tục sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định như sau:

1/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sử Văn H đối với ông Sử Văn V về việc yêu cầu ông Sử Văn V giao trả diện tích đất 312,1m², đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Phần đất thứ 1: Diện tích 68,9m².

Hướng Đông giáp lộ, cạnh dài 7,7m.

Hướng Tây giáp sông N, cạnh dài 7,7m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Sử Văn M1, cạnh dài 8,95m.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Sử Văn B, cạnh dài 8,95m.

- Phần đất thứ 2: Diện tích 243,2m².

Hướng Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị D, cạnh dài 7,7m.

Hướng Tây giáp lộ, cạnh dài 9,1m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Sử Văn M1, cạnh dài 28,85m.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Sử Văn L, cạnh dài 29,05m.

Hiện trạng trên đất có xây gạch 20cm chưa tô để cuốn nền nhà ngang 5,1m, dài 10,2m, cao 0,4m, do ông Sử Văn V xây dựng. Một nền mộ lằng xi măng ngang 4m, dài 4,7m, trên nền mộ có 02 ngôi mộ của ông Sử Văn N1 và bà Trần Thị X, mộ dán gạch bông.

2/Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Sử Văn H đối với diện tích đất 400,9m².

3/Chấp nhận yêu cầu của ông Sử Văn V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sử Văn H.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 243,2m² thuộc thửa số 634, tờ bản đồ số 07 do ông Sử Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 22/9/2000, số giấy chứng nhận: O 618679. Đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2023 nguyên đơn ông Sử Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Sử Văn H (có bà Sử Thị Diễm M là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Sử Văn V đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo quy định pháp luật thì việc quản lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên việc thất lạc giấy chuyển nhượng không phải do lỗi của ông H. Hồ sơ vụ án thể hiện (tại bút lục 70) thì có sổ quyết định giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông V đang ở tỉnh Kiên Giang nên không thể nào quản lý đất. Hiện nay phần đất là đất trống, không ai quản lý.

Bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H đối với phần đất đang tranh chấp, vì phần đất này do bị đơn đang quản lý sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng có mua đất từ bà X, có quản lý sử dụng đất thể hiện qua việc đóng thuế, thế chấp vay ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm đã có triệu tập nhưng Ngân hàng T1 tham gia tố tụng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn mà không yêu cầu Ngân hàng trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đảm bảo thi hành án. Mặt khác, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa đầy đủ cho việc giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Sử Văn H làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông Sử Văn H yêu cầu ông Sử Văn V trả đất diện tích 713m² tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 312,1m². Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 400,9m². Xét thấy, việc ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và thực tế đất tranh

chấp nhỏ hơn diện tích theo đơn khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H và đình chỉ giải quyết đối với phần diện tích 400,9m² là đúng quy định pháp luật. Phần diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 312,1m² tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Sử Văn H:

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 87 – 2020 ngày 03/6/2020, có diện tích cụ thể như sau:

- Phần đất thứ 1: Diện tích 68,9m².

Hướng Đông giáp lộ, cạnh dài 7,7m.

Hướng Tây giáp sông N, cạnh dài 7,7m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Sử Văn M1, cạnh dài 8,95m.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Sử Văn B, cạnh dài 8,95m.

- Phần đất thứ 2: Diện tích 243,2m².

Hướng Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị D, cạnh dài 7,7m.

Hướng Tây giáp lộ, cạnh dài 9,1m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Sử Văn M1, cạnh dài 28,85m.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Sử Văn L, cạnh dài 29,05m.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993, thì 02 phần đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sử Văn H tại thửa số 0634, tờ bản đồ số 07.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009, diện tích 68,9m² chưa có tên trong sổ mục kê, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào; trong diện tích 20,5m² thuộc một phần thửa D1, tờ bản đồ số 40 và diện tích 48,4m² thuộc một phần thửa T2, tờ bản đồ số 40.

Hiện trạng trên đất có xây gạch 20cm chưa tô đề cuốn nền nhà ngang 5,1m, dài 10,2m, cao 0,4m, do ông Sử Văn V xây dựng. Một nền mộ lán xi măng ngang 4m, dài 4,7m, trên nền mộ có 02 ngôi mộ của ông Sử Văn N1 và bà Trần Thị X, mộ dấp gạch bông.

[3.2] Ông H cho rằng phần đất tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của mẹ ruột là bà Trần Thị X năm 1999, với giá 12 chỉ vàng 24k, có làm giấy tay. Ông V cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc của mẹ ông là bà Trần Thị X, do ông sống chung với mẹ nên ông quản lý, sử dụng phần đất này. Các anh em ông H và ông V đều xác định đất của mẹ các ông không có chuyển nhượng cho ông H.

Xét, hồ sơ vụ án thể phần đất tranh chấp từ năm 1999 đến nay, ông H không có quản lý, sử dụng, mà do bà X cất nhà ở cùng với ông V, sau khi bà X chết ông S1 Văn Hào vào ở đến năm 2003, ông H1 đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh đất bỏ trống, đến năm 2018 ông V chuẩn bị xây cất nhà thì phát sinh tranh

chấp. Mặt khác, tại văn bản số 124 ngày 31/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định, phần đất tranh chấp diện tích 68,9m² thuộc đất bảo lưu ven sông (kênh xáng N). Tại Bản cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân huyện H xác định: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993 thì thửa số 634, tờ bản đồ số 07 do ông H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 22/9/2000, số giấy chứng nhận: O 618679. Tuy nhiên, theo giấy xác nhận số 225/PTKQ-CNTT ngày 29/6/2020 của Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định không có lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H; Theo Phiếu trả kết quả số 96/CN-VPĐKĐĐ ngày 30/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H cũng xác định không có lưu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những tài liệu, chứng cứ trên, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc ông V trả lại phần diện tích đất đang tranh chấp là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Ông H không có tài liệu chứng minh đã nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp từ bà X. Cơ quan quản lý đất đai và Ủy ban nhân dân huyện H đều xác định không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì phần đất này thực tế đang do ông V là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau này thì ông V có cho ông H1 mượn đất để sử dụng. Ông H không có quá trình quản lý sử dụng đất. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với phần đất đang tranh chấp là không đúng người sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông V hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H là có căn cứ.

[3.4] Ông H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 618679 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 22/9/2000 để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản đề nghị Ngân hàng tham gia tố tụng có ý kiến đối với khoản vay và thế chấp quyền sử dụng đất của ông H. Tại văn bản số 345 ngày 14/8/2023 Ngân hàng đã xác định không tham gia tố tụng trong vụ việc này. Xét, do Ngân hàng đã từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết đối với khoản vay và thế chấp quyền sử dụng đất của ông H là có căn cứ. Đối với việc Ngân hàng đang lưu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 618679 thì sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật trong quá trình thi hành án.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đương sự có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Sử Văn H, sinh năm 1962 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Sử Văn H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 657, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 630, 631, Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sử Văn H đối với ông Sử Văn V về việc yêu cầu ông Sử Văn V giao trả diện tích đất 312,1m², đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Phần đất thứ 1: Diện tích 68,9m².

Hướng Đông giáp lộ, cạnh dài 7,7m.

Hướng Tây giáp sông N, cạnh dài 7,7m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Sử Văn M1, cạnh dài 8,95m.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Sử Văn B, cạnh dài 8,95m.

- Phần đất thứ 2: Diện tích 243,2m².

Hướng Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị D, cạnh dài 7,7m.

Hướng Tây giáp lộ, cạnh dài 9,1m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Sử Văn M1, cạnh dài 28,85m.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Sử Văn L, cạnh dài 29,05m.

Hiện trạng trên đất có xây gạch 20cm chưa tô để cuốn nền nhà ngang 5,1m, dài 10,2m, cao 0,4m, do ông Sử Văn V xây dựng. Một nền mộ lán xi măng ngang 4m, dài 4,7m, trên nền mộ có 02 ngôi mộ của ông Sử Văn N1 và bà Trần Thị X, mộ dáng gạch bông.

2/Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Sử Văn H đối với diện tích đất 400,9m².

3/Chấp nhận yêu cầu của ông Sử Văn V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sử Văn H.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 243,2m² thuộc thửa số 634, tờ bản đồ số 07 do ông Sử Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 22/9/2000, số giấy chứng nhận: O 618679. Đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Sử Văn H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (5)
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu